TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2021/DS-ST
Ngày 10/9/2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Sỹ Phác, ông Nguyễn Tiến Tịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2021/TLST-DS, ngày 05 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn C; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị T; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn Ông Bùi Văn C trong quá trình điều tra và tai phiên tòa:* Ngày 15/11/2017 ông có cho Ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị T vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm, thời hạn thanh toán ngày 15/11/2018, từ khi vay tiền ông N, bà T đã trả được cho ông số tiền lãi là 15.000.000 đồng, từ khi trả lãi cho đến nay ông N, bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết giữa các bên.

Do đó Ông Bùi Văn C làm đơn khởi kiện yêu cầu Ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông số tiền gốc là

100.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 16/11/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 47.591.337 đồng, trong đó tiền lãi trong hạn là 19.260.667 đồng, tiền lãi quá hạn là 28.330.670 đồng.

- Theo lời khai của bị đơn Ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị T trong quá trình điều tra: Đối với bị đơn Ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị T trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã tiến hành tống đạt giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên ông N, bà T vẫn vắng mặt không có lý do gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều cơ bản đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn chưa tuân thủ quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ông Bùi Văn C số tiền gốc 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1], Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", bị đơn Ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị T có địa chỉ tại Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, do đó Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị T: Đối với ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị T, sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã hai lần được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng ông N, bà T

vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Mặt khác sự vắng mặt của ông N, bà T đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn, do đó Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt Ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2], Về nội dung vụ án: Căn cứ vào bản gốc hợp đồng cho vay tiền ngày 15/11/2017, lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông nhận định: Ngày 15/11/2017 ông Bùi Văn C có cho ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị T vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm, thời hạn thanh toán nợ ngày 15/11/2018, từ khi vay ông N, bà T đã thanh toán được cho ông Cánh số tiền lãi là 15.000.000 đồng. Do đó Tòa án công nhận hợp đồng vay tài sản giữa ông Bùi Văn C và ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị T là có thật và hợp pháp.

Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; Khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định".*

[3], Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1 Về nợ gốc: Ngày 15/11/2017 Ông Bùi Văn C có cho ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị T vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn thanh toán ngày 15/11/2018. Đến thời điểm trả nợ ông N, bà T không thực hiện đúng cam kết trả nợ cho ông Cánh là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, do đó việc ông Bùi Văn C có đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông số tiền gốc 100.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận là phù hợp.

3.2. Về lãi suất phát sinh:

Khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ

Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

- Về lãi suất trong hạn trên nợ gốc: Nguyên đơn ông Bùi Văn C yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả tiền lãi suất trong hạn trên nợ gốc với số tiền 100.000.000 đồng x 1.67%/tháng x 346 ngày = 19.260.667 đồng. Đối với yêu cầu về lãi suất trong hạn trên nợ gốc của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy không vượt quá mức lãi suất 20%/năm và phù hợp với các quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về lãi suất quá hạn trên nợ gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Văn C yêu cầu ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn kể từ ngày 16.11.2018 cho đến thời điểm xét xử với số tiền 100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 1024 ngày = 28.330.670 đồng. Đối với yêu cầu về lãi suất quá hạn trên nợ gốc của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy bằng 150% lãi suất trong hạn bằng 15%/năm. Ông Cánh yêu cầu tính lãi suất quá hạn trên nợ gốc bằng 0,83%/tháng (10%/năm) là thấp hơn mức lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông N, bà T đã trả được cho ông Cánh số tiền lãi suất phát sinh là 15.000.000 đồng, vậy cần buộc ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông Bùi Văn C số tiền lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử là 32.591.337 đồng là phù hợp.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận là phù hợp.

[4] Về án phí DSST: Ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 33; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016; Áp dụng Điều 463; Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn C, buộc ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Bùi Văn C tổng số tiền 132.591.337 đồng (một trăm ba mươi hai triệu năm trăm chín mươi mốt nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng), trong đó tiền gốc là 100.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng), tiền lãi phát sinh là 32.591.337 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm chín mươi mốt nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Nguyễn Hoàng N, bà Nguyễn Thị T phải chịu 6.629.566 đồng (sáu triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Bùi Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.695.000 đồng theo biên lai số 0006571, ngày 28/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
-VKSND tỉnh Đắk Nông;
-VKSND huyện ĐắkMil;
-Chi cục THA dân sự huyện ĐắkMil;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Đình Minh